TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 4787/2024/DS-ST
Ngày: 27/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Diễm Kiều

2. Bà Đặng Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2024/TLST-DS ngày 03/01/2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6317/2024/QĐXXST-DS ngày 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7381/2024/QĐST-DS ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ: số H đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1989

(Giấy ủy quyền số 3146/7/2024/UQ-VPBank ngày 02/7/2024)

Địa chỉ liên hệ: Lầu 1, số B đường Q, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Nguyệt A, sinh năm 1974

Địa chỉ: số C đường A, khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V, có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Vào ngày 01/12/2016, bà Phạm Thị Nguyệt A có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần V Giấy đăng ký thông tin khách hàng và đăng ký sử dụng gói sản phẩm dành cho khách hàng ưu tiên kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ (Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử và Bản điều khoản và điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ1 – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của bà A, Ngân hàng thương mại cổ phần V đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Phạm Thị Nguyệt A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 952.409.485 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà Á thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 864.041.689 đồng, và ngưng thanh toán từ ngày 20/7/2022.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Phạm Thị Nguyệt A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 4 của Bản các Điều khoản và Điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử của Ngân hàng thương mại cổ phần V), sau khi khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng thương mại cổ phần V đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 9 của Bản các Điều khoản và Điều kiện về sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử của Ngân hàng thương mại cổ phần V).

Tính đến ngày 27/9/2024, bà Phạm Thị Nguyệt A còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V các khoản sau: Nợ gốc 99.750.202 đồng, nợ lãi 145.456.013 đồng; Tổng cộng là 245.206.215 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu bà Phạm Thị Nguyệt A phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ là 245.206.215 đồng, trong đó nợ gốc là 99.750.202 đồng, nợ lãi là 145.456.013 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh sau ngày 27/9/2024 cho đến khi bà Á trả hết nợ vay theo lãi suất được quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

Ngân hàng thương mại cổ phần V xác định chỉ cho cá nhân bà Á vay tiền, không liên quan gì đến ai, nên chỉ yêu cầu cá nhân bà Á có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Khi vay tiền bà Á không có thế chấp tài sản gì.

Bị đơn bà Phạm Thị Nguyệt A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập bà Phạm Thị Nguyệt A đến Tòa án

để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà AÁ vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của bà A.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà Phạm Thị Nguyệt A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 245.206.215 đồng, trong đó nợ gốc là 99.750.202 đồng, nợ lãi là 145.456.013 đồng và thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bà Á thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 25/6/2023 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của Ngân hàng thương mại cổ phần V, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", được pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú và tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 30/8/2024 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Giấy đăng ký thông tin khách hàng và đăng ký sử dụng gói sản phẩm dành cho khách hàng ưu tiên kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ (dành cho khách hàng ưu tiên đăng ký lần đầu hoặc đăng ký bổ sung) có chữ ký ghi họ tên bà Phạm Thị Nguyệt A do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định vào ngày 01/12/2016 bị đơn có đề nghị nguyên đơn cấp thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000 đồng. Sau khi xem xét nguyện vọng, điều kiện của bị đơn, Ngân hàng thương mại cổ phần V đã phê duyệt đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000 đồng cho bị đơn sử dụng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn số tiền bị đơn giao dịch bằng thẻ tín dụng. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của phía nguyên đơn, căn cứ bản sao kê chi tiết từ ngày 13/12/2016 đến ngày 05/8/2024 và các bản tóm tắt sao kê, căn cứ hồ sơ đề nghị cấp thẻ tín dụng của bị đơn do nguyên đơn cung cấp để xác định bị đơn đã nhận thẻ tín dụng. Bị đơn đã thực hiện giao dịch tổng cộng số tiền 952.409.485 đồng, đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 864.041.689 đồng và ngưng thanh toán từ ngày 20/7/2022. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, căn cứ các Điều 463, 464, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 464, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 3, Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Buộc bà Phạm Thị Nguyệt A có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 245.206.215 (hai trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm lẻ sáu ngàn hai trăm mười lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 99.750.202 đồng, nợ lãi là 145.456.013 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị Nguyệt A tiếp tục phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Nguyệt A phải nộp 12.260.311 (mười hai triệu hai trăm sáu mươi ngàn ba trăm mười ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng thương mại cổ phần V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 4.029.633 (bốn triệu không trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi ba) đồng, theo biên lai thu tiền số 0000271 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành

án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- CC THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Quốc Lưu